

Số: 1458/QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 27 tháng 6 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra  
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-TTTP ngày 26/12/2017 của Thanh tra Chính phủ về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 04/TTr - TTTP ngày 30/5/2018,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Chánh Thanh tra thành phố tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực thanh tra theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBND TP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT. 9

CHỦ TỊCH  
  
Nguyễn Văn Tùng



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THANH TRA  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1458/QĐ-CT ngày 27 tháng 6 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I THỦ TỤC TIẾP CÔNG DÂN</b>					
1	Tiếp công dân tại cấp thành phố	10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân thành phố; Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra thành phố, các sở, ban, ngành	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
2	Tiếp công dân tại cấp huyện	10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
3	Tiếp công dân tại cấp xã	10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
<b>II THỦ TỤC XỬ LÝ ĐƠN</b>					
1	Xử lý đơn tại cấp thành phố	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân thành phố; Bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra thành phố, các sở, ban, ngành	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011, - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
2	Xử lý đơn tại cấp huyện	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011, - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
3	Xử lý đơn tại cấp xã	10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014.
<b>III THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI</b>					
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp thành phố	- 30 ngày; có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn là 45 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND thành phố; Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
2	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	- 30 ngày; có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn là 45 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	- 30 ngày; có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn là 45 ngày,	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đôi với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.			ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
4	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp thành phố	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn là 60 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND thành phố; Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
5	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn là 60 ngày, đối với vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016.
<b>IV</b>	<b>THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO</b>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết tố cáo tại cấp thành phố	- 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý; - TH cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND thành phố; Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.
2	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	- 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý; - TH cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND cấp huyện; Thanh tra quận, huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.
3	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	- 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý; - TH cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	UBND cấp xã	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013.
<b>V</b>	<b>THỦ TỤC TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</b>				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.
2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP đến ngày 31 tháng 3 hàng năm	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.
3	Xác minh tài sản, thu nhập	15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc	Cơ quan thanh tra nhà nước các cấp; bộ phận phụ trách công tác thanh tra nội bộ, tổ chức cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013; - Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014.
5	Thực hiện việc giải trình	- 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình; - TH có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013; - Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014.